

TRỤC THẲNG CÓ RÃNH VÒNG HÃM Ở 2 ĐẦU, CÓ THEN

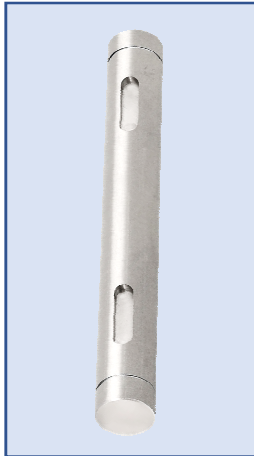
STRAIGHT SHAFT - RETAINING RING GROOVES ON BOTH ENDS - KEYWAY



Mã đặt hàng/Order

Mã Loại Type code	- D	- L	- B	- U	- RX	- X	- RP	- P	- RT	- T	-
											A
											B
											C

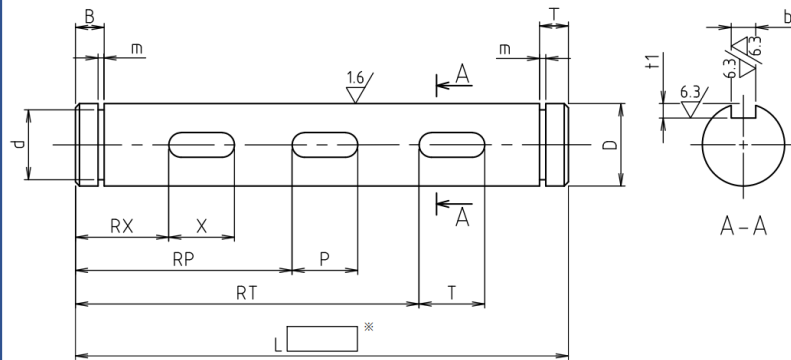
EX: SRKS - D25 - L350 - B10 - U10 - RX10 - X10 - RP90 - P30 - RT210 - T30 - A



Thông số kích thước có thể tùy chỉnh

Dimensions can be customized

Kích thước then tra cứu ở bảng 1 trang 35



Loại Type	Vật liệu Materials	Độ cứng Hardness	Xử lý bề mặt Surface Treatment
SRKS	T.Đương SUJ2 SUJ2 Equiv.	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr Hard Chrome Plating
CSRKS	S45C		
SSRKS	SUS304		

Loại Type	Đường kính Diameter				L (Gia số 1mm) (1mm Increment)	B,U	RX, X	RP, P	RT, T	d	m
	Dung sai Tolerance	g6		h7							
	D	SUJ2	S45C	SUS304							
SRKS CSRKS SSRKS	10	○	○	○	25-800	$3 \leq B, U < L/2$				9.6	0.9
	12	○	○	○	25-1000	$4 \leq B, U < L/2$	$RX+X \leq L-U$ $RX \geq B$ $b \leq X \leq 100$	$RP+P \leq L-U$ $RP \geq RX+X$ $b \leq P \leq 100$	$RU+U \leq L-U$ $RU \geq RP+P$ $b \leq T \leq 100$	11.5	1.15
	13		○							11.5	
	15			○						14.3	
	16	○	○							15.2	
	20	○	○	○	25-1500	$5 \leq B, U < L/2$				19	1.35
	25	○	○	○						23.9	
	30	○	○							28.6	

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE



DUNG SAI TÙY CHÍNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh L Customized length L	Dung sai yêu cầu	Dung sai Tolerance	Áp dụng cho L Apply to L
	A	± 0.03	$L \leq 600$
	B	± 0.05	$L \leq 800$
	C	± 0.1	$L \leq 1000$

✳ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)